

Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước,
phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp mùa lũ
vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2024

BẢN TIN TUẦN 12
DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 18/9/2024, DỰ BÁO
NGUỒN NƯỚC TỪ NGÀY 19/9 - 28/9/2024

I DIỄN BIẾN THỜI TIẾT, SẢN XUẤT, NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY
18/9/2024

1.1 Diễn biến thời tiết

1.1.1 Diễn biến mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả quan trắc của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Đặc trưng thời tiết từ ngày 11/9 - 17/9/2024, trên lưu vực sông Mê Công do ảnh hưởng bởi gió mùa Tây Nam và hoàn lưu cơn bão số 3. Hình thái thời tiết này gây mưa ở mức cao trên lưu vực. Lượng mưa phổ biến ở mức từ 50 - 150 mm, một số nơi trên khu vực miền Đông Thái Lan lượng mưa trên 150 mm [xem Hình 2].

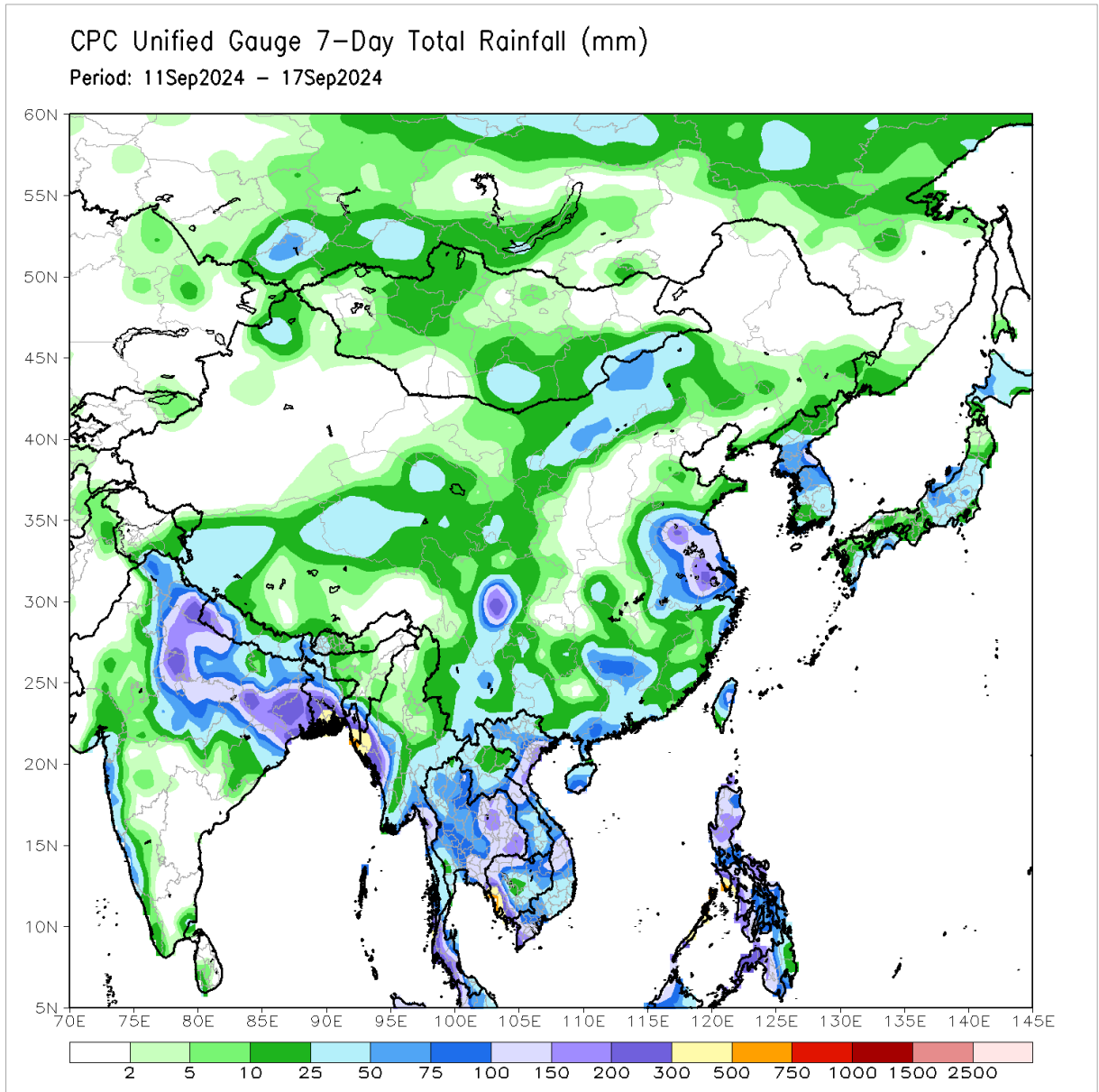
1.1.2 Diễn biến mưa trên vùng ĐBSCL

Lượng mưa lũy tích từ ngày 12/9 – 18/9/2024 trên vùng ĐBSCL ở mức khá cao phổ biến từ 60 - 120 mm và phân bố không đều. Lượng mưa trên 90 mm chỉ tập trung nhiều nơi trên địa bàn các tỉnh Tiền Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, Hậu Giang. Các khu vực khác lượng mưa thấp phổ biến ở mức 30 - 90 mm, và dưới 30 mm [xem Bảng 1 và Hình 1].

Bảng 1. Lượng mưa ngày thực đo tuần qua tại các trạm chính trên vùng ĐBSCL

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			12/09	13/09	14/09	15/09	16/09	17/09	18/09	
1	Mộc Hóa	Long An	6,80	27,70	0,00	0,00	21,20	3,70	1,20	60,60
2	Mỹ Tho	Tiền Giang	47,20	2,20	0,00	0,00	34,90	3,40	0,00	87,70
3	Bến Tre	Bến Tre	12,00	2,60	0,00	0,00	53,40	11,00	0,00	79,00
4	Trà Vinh	Trà Vinh	19,70	10,20	0,00	0,00	25,00	38,00	0,00	92,90
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	1,60	1,00	1,00	0,00	13,00	28,60	0,00	45,20
6	Cao Lãnh	Đồng Tháp	33,20	7,80	7,30	0,00	15,40	48,60	0,00	112,30

Hình 1. Bản đồ mưa lũy tích từ ngày 12/9 - 18/9/2024 trên vùng ĐBSCL

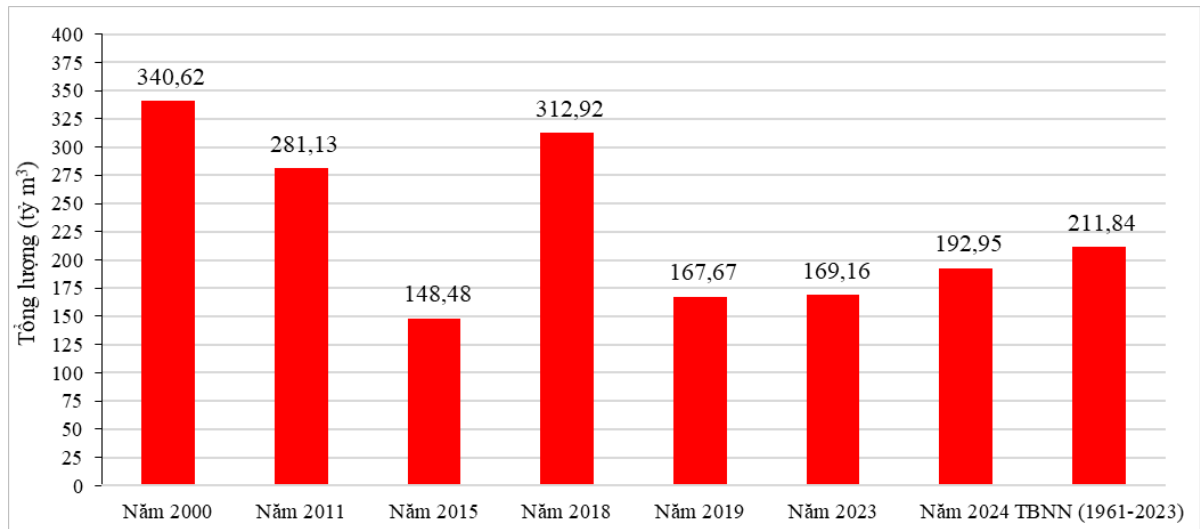


Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>

Hình 2. Bản đồ mưa lũy tích tuần từ 11/9 – 17/9/2024 trên lưu vực sông Mê Công

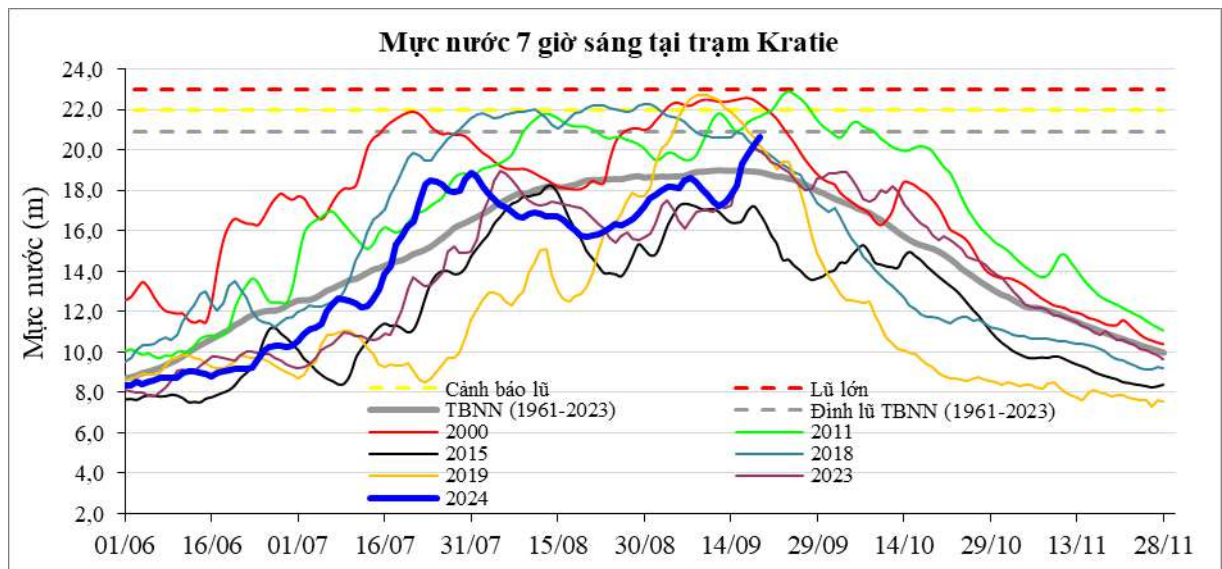
1.2 Diễn biến nguồn nước vào vùng ĐBSCL đến ngày 18/9/2024

Tổng lượng từ ngày 01/6 đến 19/9/2024 tại Kratie đạt 192,95 tỷ m³. So với cùng kỳ: nhỏ hơn trung bình nhiều năm (TBNN(1961-2023)) khoảng 18,89 tỷ m³; lớn hơn năm 2023 khoảng 23,79 tỷ m³; lớn hơn năm 2019 khoảng 25,28 tỷ m³; lớn hơn năm 2015 khoảng 44,47 tỷ m³; nhưng còn nhỏ hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018 [xem Hình 3].



Hình 3. Tổng lượng lũ tại Kratie từ 01/6 đến ngày 12/9/2024

Tại Kratie: Mức nước tại Kratie trong tuần qua có xu thế tăng với cường suất trung bình 48,7 cm/ngày. Đến ngày 19/9/2024 mức nước lúc 7 giờ đo được tại Kratie là 20,65 m. So với cùng kỳ: cao hơn TBNN (1961-2023) 1,73 m; cao hơn năm 2023 0,63 m; cao hơn năm 2019 0,39 m; cao hơn năm 2015 3,79 m; nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018 [xem Hình 4].



Hình 4. Diễn biến mực nước tại Kratie đến ngày 19/9/2024

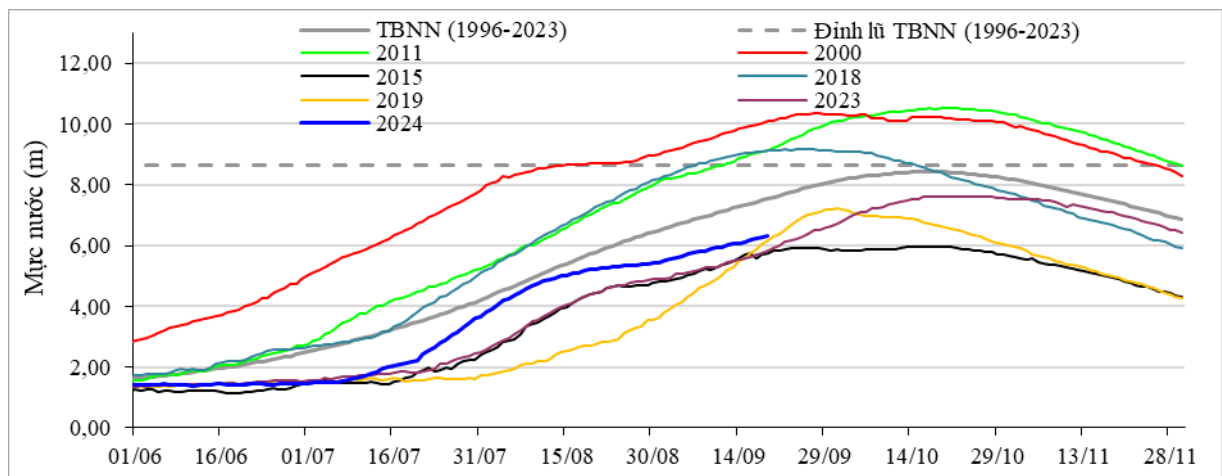
Tại Biễn Hồ: Diễn biến mực nước Biễn Hồ trong tuần qua có xu thế tăng với cường suất trung bình 4,14 cm/ngày. Đến ngày 19/9/2024 mức nước đạt 6,32 m; so với cùng kỳ: thấp hơn TBNN (1996-2023) 1,22 m; cao hơn năm 2023 0,48 m; cao hơn năm 2019 0,15 m; cao hơn năm 2015 0,57 m; nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018.

Tương đồng với xu thế mực nước, dung tích Biễn Hồ tuần qua tăng với cường suất trung bình 0,38 tỷ m³/ngày. Đến ngày 19/9/2024 dung tích đạt 29,33 tỷ m³; so với cùng kỳ: nhỏ hơn TBNN (1996-2023) 11,77 tỷ m³; lớn hơn năm 2023 4,18

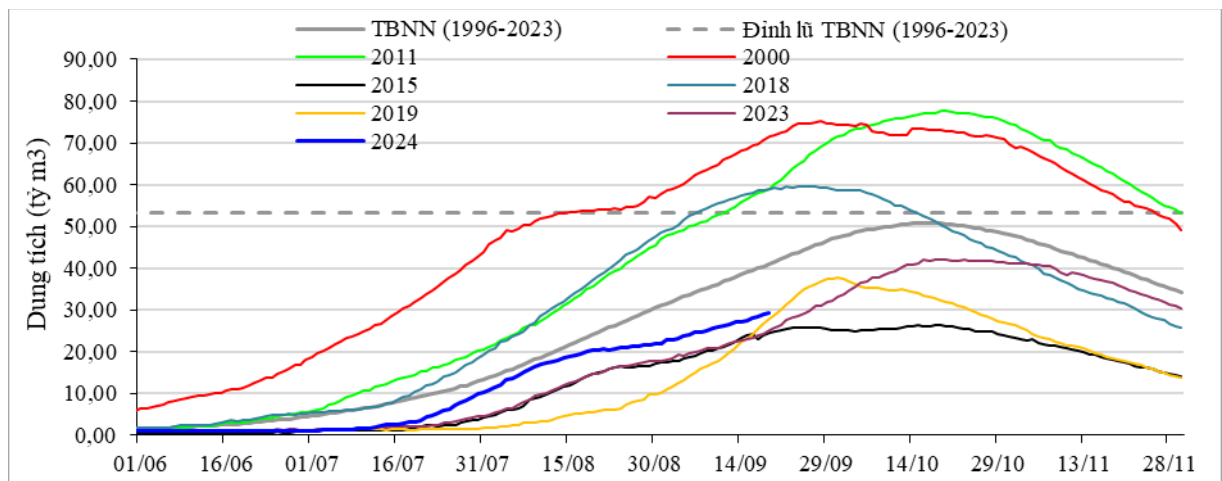
tỷ m³; lớn hơn năm 2019 1,37 tỷ m³; lớn hơn năm 2015 4,88 tỷ m³; nhưng vẫn còn nhỏ hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018 [xem Bảng 2, Hình 5 và Hình 6].

Bảng 2. Mức nước, và dung tích Biển Hồ đến ngày 19/9/2024 so với so với cùng kỳ các năm điển hình

TT	Đặc trưng mực nước & dung tích	Mức nước và dung tích Biển Hồ							
		2024	2023	2019	2018	2015	2011	2000	TBNN (1996-2023)
1	Mức nước (m)	6,32	5,84	6,17	9,13	5,75	9,12	10,09	7,54
	So sánh cùng kỳ các năm		0,48	0,15	-2,81	0,57	-2,80	-3,77	-1,22
2	Dung tích (tỷ m ³)	29,33	25,15	27,96	59,06	24,45	58,93	71,42	41,10
	So sánh cùng kỳ các năm		4,18	1,37	-29,73	4,88	-29,60	-42,09	-11,77



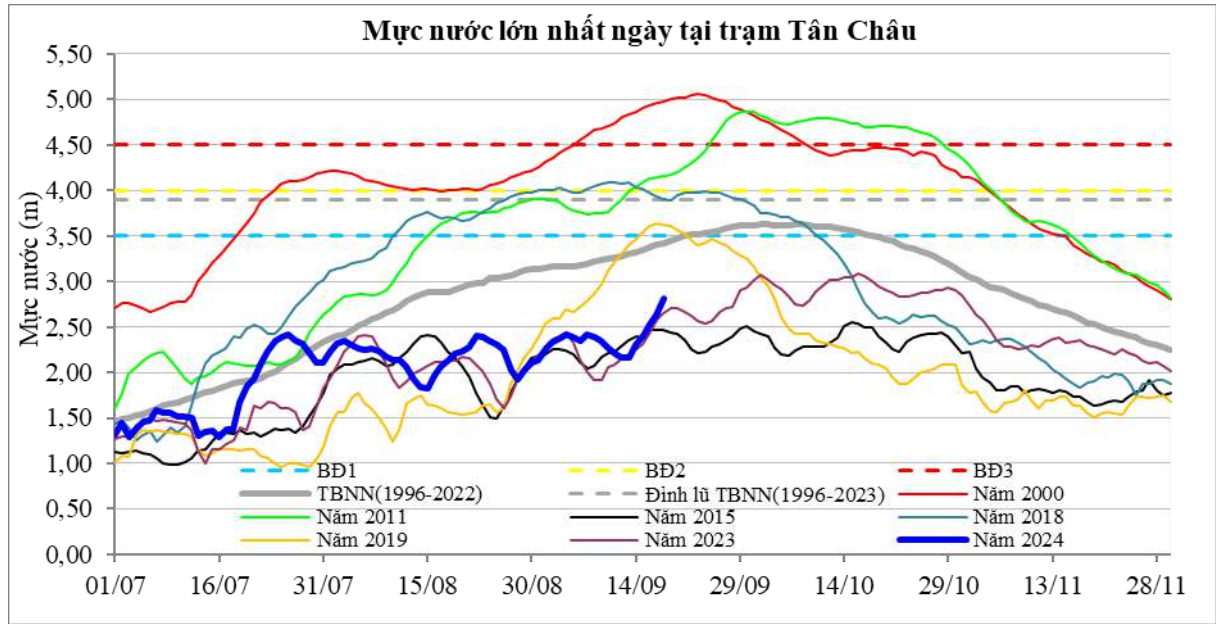
Hình 5. Diễn biến mực nước Biển Hồ đến ngày 19/9/2024



Hình 6. Diễn biến dung tích Biển Hồ đến ngày 19/9/2024

Tại Tân Châu: Mực nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mực nước tại trạm Tân Châu trong tuần qua có xu thế tăng với cường suất trung bình 11 cm/ngày. Mực nước lớn nhất ngày 18/9/2024 đạt 2,81 m. So với cùng kỳ: thấp hơn TBNN (1996-2022) 0,61 m; cao hơn năm 2023 0,16 m; thấp

hơn năm 2019 0,81 m; cao hơn năm 2015 0,34 m; nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018 [xem Hình 7 và Bảng 3].



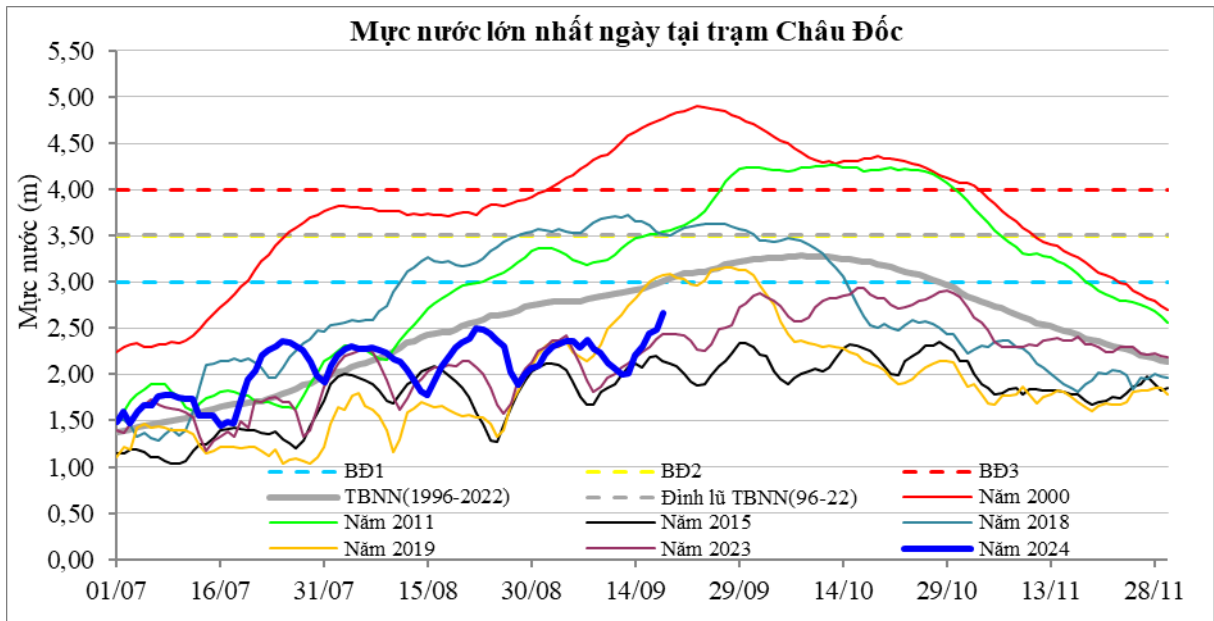
Hình 7. Diễn biến mực nước tại trạm Tân Châu đến ngày 18/9/2024

Bảng 3. Mực nước lớn nhất tại trạm Tân Châu từ 12/9 – 18/9/2024

Đơn vị: m

Ngày	2024	2023	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2022)	Chênh lệch 2024-TBNN	Chênh lệch 2024-2023
12/9/2024	2,16	2,15	3,31	4,08	2,30	3,90	4,80	3,28	-1,12	0,01
13/9/2024	2,17	2,20	3,40	4,09	2,36	3,99	4,84	3,30	-1,13	-0,03
14/9/2024	2,30	2,25	3,47	4,03	2,39	4,05	4,86	3,32	-1,02	0,05
15/9/2024	2,40	2,31	3,54	4,02	2,38	4,09	4,90	3,34	-0,94	0,09
16/9/2024	2,53	2,42	3,61	3,98	2,46	4,13	4,94	3,37	-0,84	0,11
17/9/2024	2,63	2,58	3,63	3,93	2,47	4,14	4,96	3,40	-0,77	0,05
18/9/2024	2,81	2,65	3,62	3,90	2,47	4,16	4,98	3,42	-0,61	0,16

Tại Châu Đốc: Mực nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mực nước tại trạm Châu Đốc trong tuần qua có xu thế tăng với cường suất trung bình 11 cm/ngày. Mực nước lớn nhất ngày 18/9/2024 đạt 2,66 m. So với cùng kỳ: thấp hơn TBNN (1996-2022) 0,35 m; cao hơn năm 2023 0,23 m; thấp hơn năm 2019 0,41 m; cao hơn năm 2015 0,51 m; nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018 [xem Hình 8 và Bảng 4].



Hình 8. Diễn biến mực nước tại trạm Châu Đốc đến ngày 18/9/2024

Bảng 4. Mực nước lớn nhất tại trạm Châu Đốc từ ngày 12/9 – 18/9/2024

Đơn vị: m

Ngày	2024	2023	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2022)	Chênh lệch 2024-TBNN	Chênh lệch 2024-2023
12/9/2024	2,00	2,08	2,65	3,70	1,99	3,36	4,52	2,89	0,89	-0,08
13/9/2024	2,01	2,11	2,74	3,72	2,07	3,42	4,58	2,91	0,90	-0,10
14/9/2024	2,20	2,18	2,83	3,66	2,12	3,47	4,62	2,92	0,72	0,02
15/9/2024	2,31	2,24	2,91	3,65	2,07	3,49	4,67	2,93	0,62	0,07
16/9/2024	2,44	2,30	3,01	3,61	2,18	3,52	4,71	2,96	0,52	0,14
17/9/2024	2,49	2,38	3,05	3,55	2,20	3,52	4,74	2,99	0,50	0,11
18/9/2024	2,66	2,43	3,07	3,52	2,15	3,54	4,77	3,01	0,35	0,23

1.3 Diễn biến mực nước nội đồng vùng ĐBSCL

1.3.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Mực nước trong tuần qua có xu thế tăng với cường suất trung bình 6,0 cm/ngày theo xu thế lũ đầu nguồn đổ về tăng kết hợp triều cường dâng cao [xem Bảng 5].

Bảng 5. Diễn biến mực nước lớn nhất từ 12/9 - 18/9/2024 Thượng-ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Huyện	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Tân Châu*	Tân Châu	An Giang	S. Tiền	2,16→2,81	↑
2	Châu Đốc*	Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	2,00→2,66	↑
3	Sông Trăng	Tân Hưng	Long An	K. Sông Trăng	1,53→1,80	↑
4	Vàm Đồn	Vĩnh Hưng	Long An	K. Cái Cỏ	1,44→1,71	↑

TT	Trạm	Huyện	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Long An	K. Hồng Ngự - LA	1,68→1,95	↑
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Long An	K. 28	1,62→1,89	↑
7	Mộc Hoá	Kiến Tường	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	0,92→1,08	↑
8	Tuyên Nhơn	Thanh Hóa	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	0,66→0,96	↑
9	T.Thới Hậu A	Hồng Ngự	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	2,33→2,79	↑
10	Dinh Bà	Tân Hồng	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	2,00→2,25	↑
11	Tân Hồng	Tân Hồng	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,91→2,11	↑
12	Tân Công Sính	Tam Nông	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	-	
13	An Long	Tam Nông	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	1,96→2,59	↑
14	Trường Xuân	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,32→1,52	↑
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,08→1,43	↑
16	Xuân Tô	Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,21→1,34	↑
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	3,50→3,89	↑
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,04→1,13	↑
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	1,72→2,50	↑
20	Long Xuyên	TP. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	1,54→2,36	↑
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	-	
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	Kiên Giang	K. Vĩnh Tế	0,62→0,74	↑
23	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	K. RG - Hà Tiên	-	
24	Ba Thê	Hòn Đất	Kiên Giang	K. Ba Thê	-	

Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia; -: Không có số liệu
 Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Mức nước trong tuần qua có xu thế tăng với cường suất trung bình 9,5 cm/ngày theo xu thế lũ đầu nguồn đổ về tăng kết hợp triều cường dâng cao [xem Bảng 6].

Bảng 6. Diễn biến mực nước lớn nhất từ 12/9 - 18/9/2024 vùng Giữa-ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Huyện	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Cần Thơ	Q. Ninh Kiều	Cần Thơ	S. Hậu	1,04→1,85	↑
2	Mỹ Thuận	TP. Vĩnh Long	Vĩnh Long	S. Tiền	0,78→1,85	↑
3	Tân Lập	Thủ Thừa	Long An	K. Bo Bo	0,53→0,92	↑
4	Bến Lức	Bến Lức	Long An	S. Vàm Cỏ Đông	1,00→1,39	↑
5	Tân An	TP. Tân An	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	0,85→1,38	↑
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Tiền Giang	K. 12	0,83→1,39	↑
7	Long Định	Châu Thành	Tiền Giang	K. Nguyễn Tấn Thành	0,62→1,11	↑
8	Mỹ Tho	TP. Mỹ Tho	Tiền Giang	S. Tiền	0,67→1,60	↑

TT	Trạm	Huyện	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Tiền Giang	S. Cửa Tiểu	0,57→1,31	↑
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Bến Tre	S. Hàm Luông	0,76→1,73	↑
11	Mỹ Hóa	TP. Bến Tre	Bến Tre	S. Hàm Luông	0,68→1,52	↑
12	G1	Châu Thành	Bến Tre	S. Giao Hòa	-	
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	1,25→2,07	↑
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	1,41→1,99	↑
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	1,10→1,47	↑
16	G2	Vũng Liêm	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
18	G4	Càng Long	Trà Vinh	S. An Trường	-	
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	Kiên Giang	K. Cái Sắn	0,71→0,75	↑
20	Ô Môn	Q. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	1,13→1,81	↑
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,20→1,41	↑
22	Vị Thanh	Vị Thanh	Hậu Giang	K. Xà No	0,73→0,80	↑
23	Phụng Hiệp	TX. Ngã Bảy	Hậu Giang	S. Cái Côn	0,95→1,42	↑
24	Đại Ngãi	Long Phú	Sóc Trăng	S. Hậu	0,83→1,66	↑
25	G5	Ngã Năm	Sóc Trăng	K. QL - Phụng Hiệp	-	
26	Phước Long	Phước Long	Bạc Liêu	K. QL - Phụng Hiệp	0,92→1,04	↑
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	Kiên Giang	K. Nước Mặn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.3 Vùng Ven Biển ĐSBCL

Mực nước trong tuần qua có xu thế tăng với cường suất trung bình 6,0 cm/ngày theo xu thế triều cường dâng cao. Riêng một số trạm khu vực ven biển Tây mực nước có xu thế giảm nhẹ [xem Bảng 7].

Bảng 7. Diễn biến mực nước lớn nhất từ 12/9 - 18/9/2024 vùng Ven Biển-ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Huyện	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Bến Tre	S. Cửa Đại	0,79→1,49	↑
2	An Thuận	Ba Tri	Bến Tre	S. Hàm Luông	0,71→1,40	↑
3	Bến Trại	Thạnh Phú	Bến Tre	S. Cổ Chiên	0,83→1,49	↑
4	Trà Vinh	Châu Thành	Trà Vinh	S. Cổ Chiên	0,94→1,71	↑
5	VB1	Duyên Hải	Trà Vinh	K. Quan Chánh Bó	-	
6	Trần Đề	Trần Đề	Sóc Trăng	S. Mỹ Thanh	0,97→1,98	↑
7	VB2	Vĩnh Châu	Sóc Trăng	S. Mỹ Thanh	-	
8	VB4	Giá Rai	Bạc Liêu	K. CM - Bạc Liêu	-	

TT	Trạm	Huyện	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
9	VB3	TP. Bạc Liêu	Bạc Liêu	S. Bạc Liêu	-	
10	Cà Mau	Tp. Cà Mau	Cà Mau	S. Gành Hào	0,86→1,02	↑
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	0,87→1,14	↑
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,73→1,04	↑
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	-	
14	Rạch Giá	TP. Rạch Giá	Kiên Giang	S. Kiên	0,49→0,42	↓
15	Xẻo Rô	Châu Thành	Kiên Giang	S. Cái Lớn	0,52→0,72	↑
16	Vàm Răng	Hòn Đất	Kiên Giang	K. RG - Hà Tiên	0,53→0,71	↑
17	Vàm Rây	Hòn Đất	Kiên Giang	K. HT - Rạch Giá	0,65→0,59	↓
18	VB7	An Minh	Kiên Giang	K. Cán Gáo	-	
19	VB6	Vĩnh Thuận	Kiên Giang	S. Cái Lớn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

Kết quả giải đoán ảnh vệ tinh MODIS ngày 05/9/2024 cho thấy đã xảy ra ngập nhiều nơi thuộc khu vực thấp trũng ven sông phía Campuchia, các khu vực ô bao KSL tháng 8 và vùng thấp trũng không sản xuất lúa trên vùng Đồng Tháp Mười, ngập nhiều nhất xảy ra trên địa bàn các tỉnh Takeo và Prey Veng của Campuchia. Diện tích ngập có xu thế tăng mạnh so với ảnh ngập 8 ngày trước do mực nước lũ tăng.

Một số khu vực thuộc các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang xuất hiện các điểm ngập nước là do nuôi trồng thủy sản ở các khu vực ven biển [xem Hình 9].



Hình 9. Bản đồ ngập giải đoán từ ảnh vệ tinh MODIS chụp ngày 05/9/2024

1.4 Diễn biến sản xuất lúa

Tổng diện tích xuống giống vụ Hè Thu ở ĐBSCL là 1.469.066 ha, đạt khoảng 99% kế hoạch. Đến nay diện tích đã thu hoạch khoảng 1.148.848 ha, đạt 78% diện tích xuống giống, trong đó Vĩnh Long, Cần Thơ, An Giang và Đồng Tháp đã hoàn thành công tác thu hoạch.

Kế hoạch xuống giống vụ Thu Đông năm 2024 là 700.000 ha, thấp hơn 6% so với diện tích xuống giống năm 2023. Đến nay đã xuống giống được 576.035 ha, khoảng 82% kế hoạch. Có 6/13 tỉnh đã thực hiện thu hoạch được khoảng 50.597 ha bao gồm Long An, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang và Cần Thơ [xem Bảng 8].

Bảng 8. Tình hình sản xuất lúa vụ Hè Thu và Thu Đông đến ngày 22/9/2024 ở vùng ĐBSCL

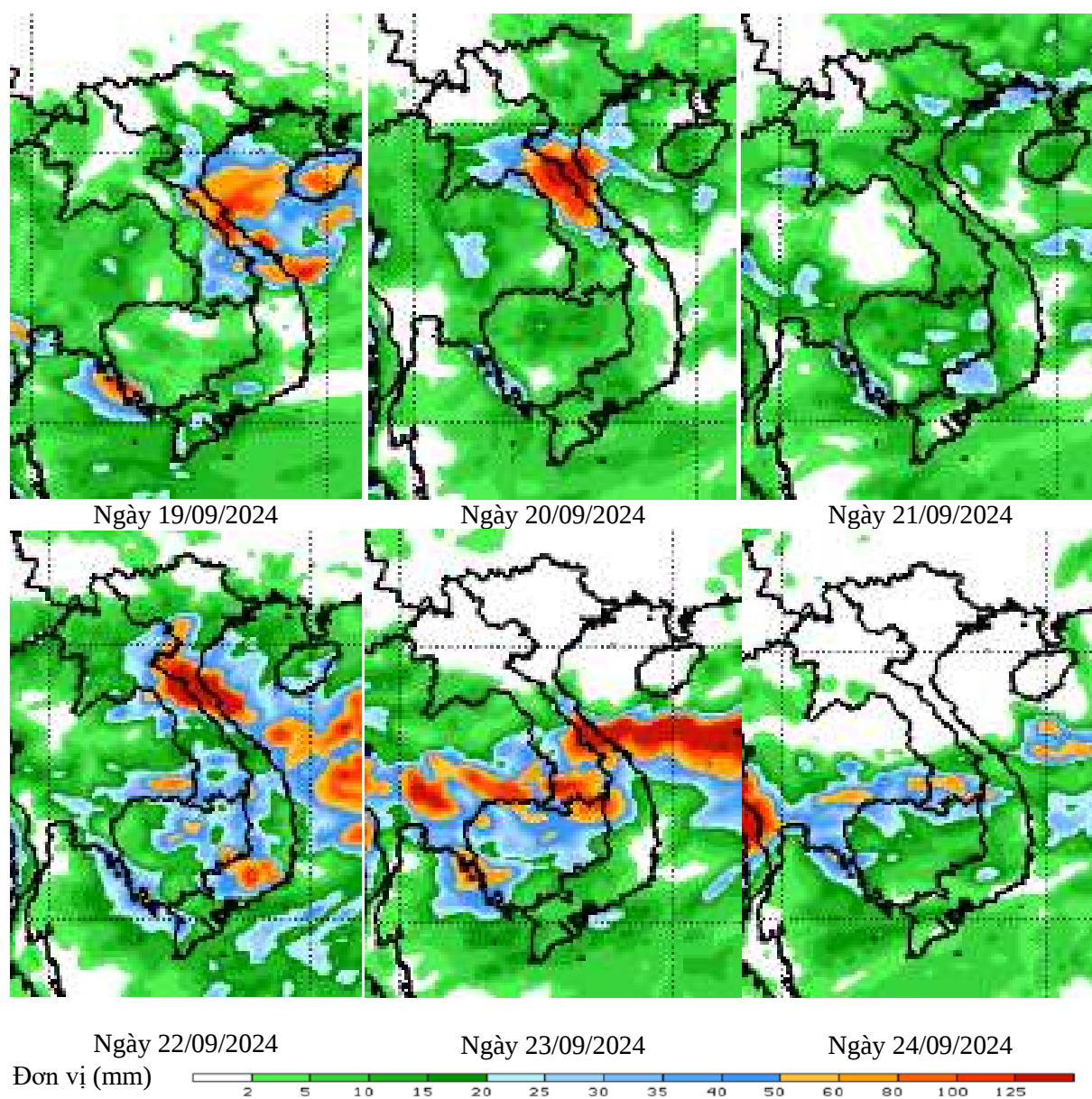
TT	Địa phương	Vụ Hè Thu (ha)			Vụ Thu Đông (ha)			
		Xuống giống	Thu hoạch	Chưa thu hoạch	Kế hoạch xuống giống	Xuống giống	Thu hoạch	Chưa thu hoạch
1	Long An	222.124	160.858	61.266	65.000	41.566	21.220	20.346
2	Tiền Giang	62.886	30.944	31.942	2.000	3233	0	3.233
3	Bến Tre	7.410	3005	4.405	8.000	0	0	0
4	Trà Vinh	68.132	50.010	18.122	70.000	24.444	0	24.444
5	Vĩnh Long	36.560	36.560	0	40.000	35.397	1.260	34.137
6	Đồng Tháp	186.741	186.741	0	120.000	115.848	23.431	92.417
7	An Giang	228.139	228.139	0	160.000	157.894	2492	155.402
8	Kiên Giang	277.031	177.037	99.994	85.000	95.574	544	95.030
9	Cần Thơ	71.279	71.279	0	68.000	68.521	1650	66.871
10	Hậu Giang	74.185	71.318	2.867	36.000	26.710	0	26.710
11	Sóc Trăng	140.436	85.015	55.421	2.000	4.982	0	4.982
12	Bạc Liêu	58.898	41.481	17.417	44.000	1.866	0	1.866
13	Cà Mau	35.244	6460	28.784	0	0	0	0
Tổng		1.469.065	1.148.848	320.217	700.000	576.035	50.597	525.438

Nguồn: Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT

II DỰ BÁO MƯA, LŨ THUỶ NGUỒN VÀ THỦY TRIỀU

2.1 Dự báo mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả dự báo của NOAA: Lượng mưa ngày dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công ở mức khá cao do tác động của hoàn lưu ATNĐ mạnh lên thành cơn bão số 4 trên biển Đông. Lượng mưa lớn phổ biến từ 25-125 mm tập trung trên khu vực trung hạ Lào, Đông Nam Thái Lan và Đông Bắc Campuchia vào các ngày 19-20/9/2024, 22-23/9/2024. Các ngày khác và các khu vực khác lượng mưa thấp phổ biến dưới 15 mm [xem Hình 10].



Hình 10. Dự báo mưa từ ngày 19/9 - 24/9/2024 khu vực hạ lưu sông Mê Công

Mưa dự báo trên vùng ĐBSCL trong 5 ngày tới ở mức trung bình phổ biến từ 40-70 mm và có xu thế tăng trong 5 ngày tới [xem Bảng 9].

Bảng 9. Dự báo mưa 5 ngày tới tại một số trạm chính trên vùng ĐBSCL

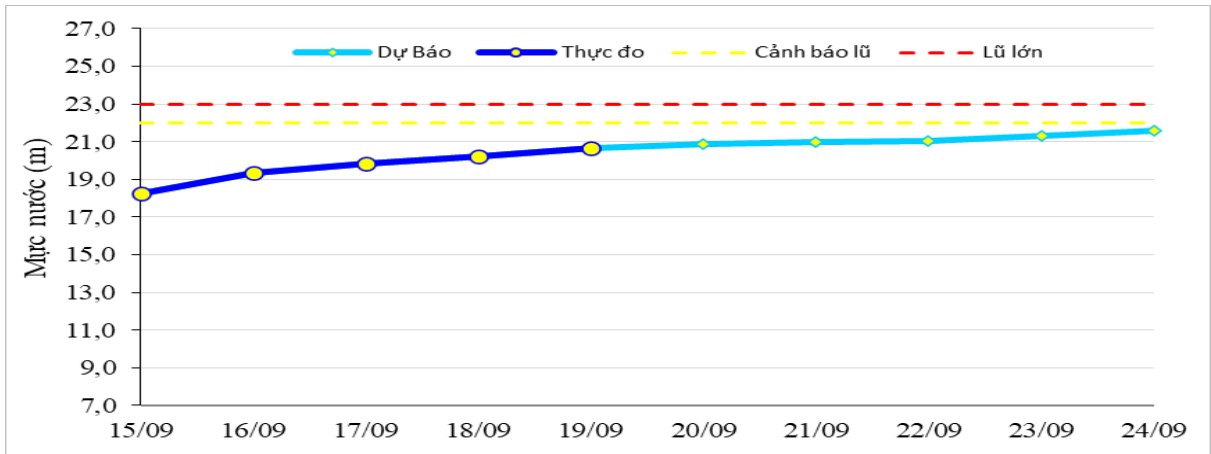
TT	Trạm	Tỉnh	Mưa dự báo 5 ngày tới (mm)					Tổng lượng mưa
			19/09	20/09	21/09	22/09	23/09	
1	Thanh Hóa	Long An	5,30	13,50	8,40	18,00	6,00	51,20
2	Mỹ Tho	Tiền Giang	9,90	12,30	12,30	7,80	4,00	46,30
3	Bến Tre	Bến Tre	8,70	15,80	12,40	9,50	3,40	49,80
4	Trà Vinh	Trà Vinh	9,10	17,30	16,50	8,50	6,60	58,00
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	9,80	19,80	14,50	12,50	10,10	66,70
6	Cao Lãnh	Đồng Tháp	8,70	12,10	9,20	6,70	10,90	47,60
7	Vị Thanh	Hậu Giang	16,30	15,70	14,30	14,00	8,20	68,50

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa dự báo 5 ngày tới (mm)					Tổng lượng mưa
			19/09	20/09	21/09	22/09	23/09	
8	Cần Thơ	Cần Thơ	10,60	7,70	13,10	8,40	6,10	45,90
9	Sóc Trăng	Sóc Trăng	6,80	11,30	7,90	7,50	5,30	38,80
10	Rạch Giá	Kiên Giang	13,20	28,80	16,60	13,60	3,00	75,20
11	Bạc Liêu	Bạc Liêu	7,40	13,00	7,30	11,60	7,00	46,30
12	Cà Mau	Cà Mau	23,60	23,10	21,40	19,00	10,20	97,30
Trung bình			10,78	15,87	12,83	11,43	6,73	57,63

Nguồn: <https://www.windy.com>

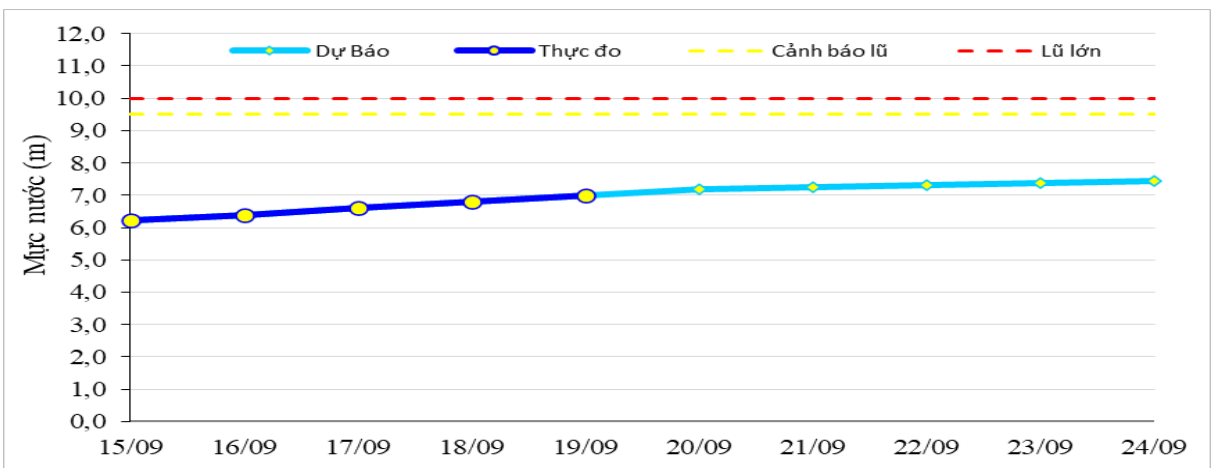
2.2 Dự báo mực nước thượng lưu

Trạm Kratie: Theo kết quả dự báo của Ủy hội sông Mê Công (MRC) cho thấy, mực nước 7 giờ tại trạm Kratie trong 5 ngày tới có xu thế tăng với cường suất trung bình 18,4 cm/ngày, dự báo đến ngày 24/9/2024 đạt 21,57 m, thấp hơn 0,43 m so với mức cảnh báo lũ (22,00 m) [xem Hình 11].



Hình 11. Dự báo mực nước 5 ngày từ 20/9 – 24/9/2024 tại Kratie

Trạm Prek Kdam: Mực nước 7 giờ tại trạm Prek Kdam trong 5 ngày tới có xu thế tăng với cường suất trung bình 9,2 cm/ngày, dự báo đến ngày 24/9/2024 đạt 7,45 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (9,50 m) [xem Hình 12].



Hình 12. Dự báo mực nước 5 ngày từ 20/9 – 24/9/2024 tại Prek Kdam

2.3 Dự báo mực nước thủy triều

Triều dự báo có xu thế tăng trong 1 đến 2 ngày tới sau đó giảm trở lại. Đặc trưng thủy triều dự báo trong tháng 9, triều ven biển Đông có xu thế tăng nhẹ dần từ Vũng Tàu đến Gành Hào; triều ven biển Tây có xu thế giảm nhẹ dần từ Sông Đốc đến Rạch Giá. Đặc trưng thủy triều dự báo ven Biển Đông, đỉnh triều cao nhất tại trạm Gành Hào (2,23 m), đỉnh triều thấp nhất tại trạm Vũng Tàu (1,17 m), chân triều thấp nhất tại trạm Vũng Tàu (-2,09 m), chân triều cao nhất tại trạm Trần Đề (-1,54 m), thời gian xuất hiện đỉnh triều vào ngày 19-21/9/2024, thời gian xuất hiện chân triều vào ngày 01/9/2024. Đặc trưng thủy triều dự báo ven Biển Tây, đỉnh triều cao nhất tại trạm Sông Đốc (0,94 m), đỉnh triều thấp nhất tại trạm Rạch Giá (0,57 m), chân triều thấp nhất tại trạm Xẻo Rô (-0,30 m), chân triều cao nhất tại trạm Sông Đốc (0,12 m), thời gian xuất hiện đỉnh triều vào ngày 23-24/9/2024, thời gian xuất hiện chân triều vào ngày 01/9/2024 đối với trạm Sông Đốc, 23/9/2024 đối với trạm Xẻo Rô và 13/9/2024 đối với trạm Rạch Giá [xem Bảng 10].

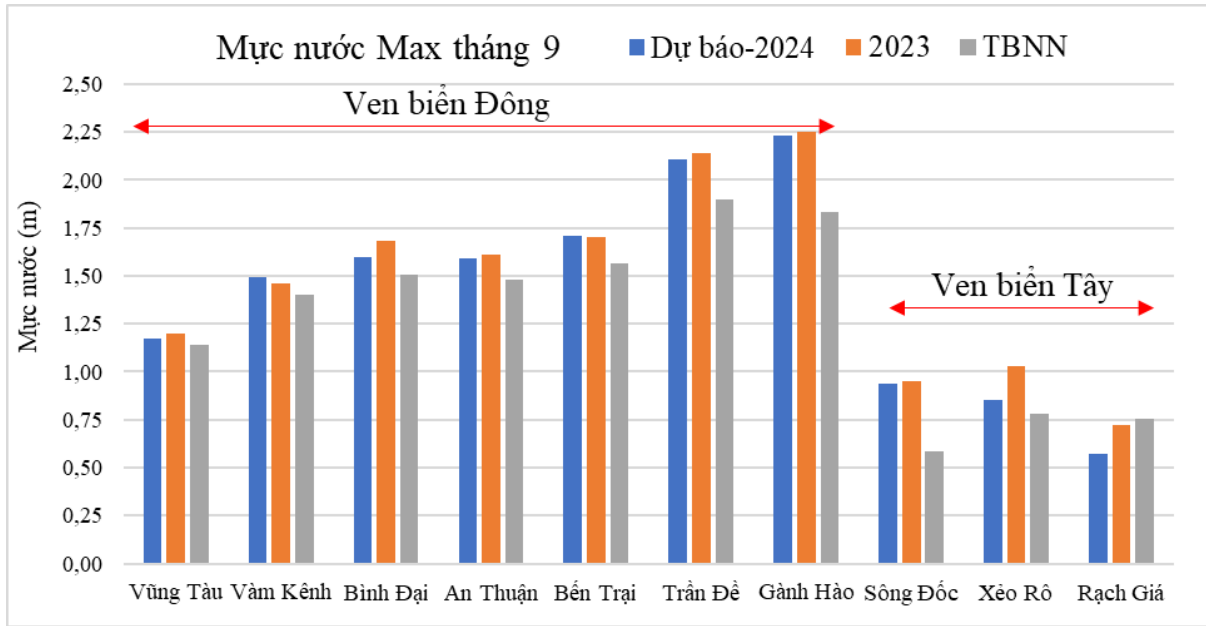
Bảng 10. Đặc trưng mực nước triều dự báo tháng 9/2024

Đơn vị: m

STT	Trạm	Hmax (m)	Ngày đạt Hmax	Hmin (m)	Ngày đạt Hmin
1	Vũng Tàu	1,17	20/09	-2,09	01/09
2	Vàm Kênh	1,49	19/09	-1,82	01/09
3	Bình Đại	1,60	19/09	-1,80	01/09
4	An Thuận	1,59	19/09	-1,75	01/09
5	Bến Trại	1,71	19/09	-1,56	01/09
6	Trần Đề	2,11	19/09	-1,63	01/09
7	Gành Hào	2,23	21/09	-1,54	01/09
8	Sông Đốc	0,94	24/09	0,12	01/09
9	Xẻo Rô	0,85	24/09	-0,30	23/09
10	Rạch Giá	0,57	23/09	0,04	13/09

Nguồn: Viện Kỹ Thuật Biển

Đỉnh triều dự báo tháng 9 năm 2024 cao hơn so với TBNN nhưng thấp hơn cùng kỳ năm 2023 [xem Hình 13].



Hình 13. Mức nước dự báo Max tháng 9 năm 2024 và cùng kỳ các năm

III DỰ BÁO MỨC NƯỚC NỘI ĐỒNG VÙNG ĐBSCL

3.1 Mạng lưới trạm dự báo

Tổng số các trạm dự báo mức nước trên vùng ĐBSCL là 70 trạm, gồm 4 trạm trên dòng chính và 66 trạm trong vùng nội đồng [xem Hình 14].

- Trạm Tân Châu (trên sông Tiền), Châu Đốc (trên sông Hậu), do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương thực hiện dự báo. Trạm Mỹ Thuận (trên sông Tiền) và Cần Thơ (trên sông Hậu) do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo.

- Trong khu vực nội đồng gồm 66 trạm do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo được chia thành 3 vùng:

- + Vùng Thượng ĐBSCL bao gồm 22 trạm
- + Vùng Giữa ĐBSCL bao gồm 25 trạm
- + Vùng Ven Biển bao gồm 19 trạm.



Hình 14. Bản đồ vị trí các trạm dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL

3.2 Dự báo mực nước trong 10 ngày tới (từ 19/9 đến 28/9/2024)

3.2.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Mực nước dự báo trên vùng Thượng ĐBSCL trong 10 ngày tới ở mức thấp và có xu thế tăng do lũ đầu nguồn đổ về kết hợp triều cường. Mực nước phổ biến dưới mức BDI, một số trạm biến đổi từ BDI - BDII. Riêng trạm Long Xuyên (An Giang) mực nước hiện ở trên mức BDII và dự báo duy trì trên mức BDII từ ngày 19-23/9/2024, sau đó giảm xuống dưới mức BDII. Các trạm khu vực Đồng Tháp Mười có xu thế tăng với cường suất trung bình 6,0 cm/ngày; các trạm khu vực Tứ giác Long Xuyên có xu thế tăng với cường suất trung bình 5,0 cm/ngày. Một số trạm có xu thế tăng đến ngày 22-23/9/2024, sau đó giảm trở lại [xem Bảng 11].

Bảng 11. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Thượng - ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Huyện	Tỉnh	Sông/kênh	H _{max} dự báo	Xu thế
1	Tân Châu*	Tân Châu	An Giang	S. Tiền	2,95→3,40	↑
2	Châu Đốc*	Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	2,80→3,20	↑
3	Sông Trăng	Tân Hưng	Long An	K. Sông Trăng	1,84→2,44	↑
4	Vàm Đồn	Vĩnh Hưng	Long An	K. Cái Cỏ	1,76→2,25	↑
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Long An	K. Hồng Ngự - LA	2,01→2,51	↑
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Long An	K. 28	1,94→2,42	↑
7	Mộc Hoá	Kiến Tường	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	1,14→1,36	↑
8	Tuyên Nhơn	Thanh Hóa	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	1,04→0,89	↓
9	T.Thới Hậu A	Hồng Ngự	Đồng Tháp	S. Sờ Thượng	2,90→3,22	↑
10	Dinh Bà	Tân Hồng	Đồng Tháp	K. Sờ Hạ	2,34→3,25	↑
11	Tân Hồng	Tân Hồng	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	2,18→2,89	↑
12	Tân Công Sính	Tam Nông	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	2,40→2,75	↑
13	An Long	Tam Nông	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	2,69→2,87	↑
14	Trường Xuân	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,59→1,77	↑
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,59→1,30	↓
16	Xuân Tô	Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,43→1,86	↑
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	3,94→4,19	↑
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,21→1,45	↑
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,68→2,47	↓
20	Long Xuyên	TP. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,49→2,08	↓
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,29→1,52	↑
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	Kiên Giang	K. Vĩnh Tế	0,78→1,29	↑
23	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	K. RG - Hà Tiên	0,50→0,64	↑
24	Ba Thê	Hòn Đất	Kiên Giang	K. Ba Thê	1,49→1,64	↑

*Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia
Trong cột H_{max} dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.*

3.2.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Mực nước dự báo trên vùng Giữa ĐBSCL trong 10 ngày tới có xu thế tăng và đạt lớn nhất vào kỳ triều cường 19-21/9/2024 kết hợp lũ đầu nguồn đổ về tăng, mực nước sau đó giảm trở lại và biến đổi theo triều. Mực nước phổ biến ở mức từ BĐI - BĐII, một số trạm ven sông chính mực nước vượt mức BĐIII vào thời kỳ triều cường từ ngày 19-23/9/2024 gồm các trạm Cần Thơ, trạm Mỹ Thuận (Vĩnh Long), trạm Mỹ Tho (Tiền Giang) và một số trạm vùng trung tâm BDCM mực nước vượt mức BĐIII gồm trạm Vị Thanh (Hậu Giang), trạm Phụng Hiệp (Hậu Giang), trạm Phước Long (Bạc Liêu) [xem Bảng 12].

Bảng 12. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Giữa – ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Huyện	Tỉnh	Sông/kênh	H _{max} dự báo	Xu thế
1	Cần Thơ	Q. Ninh Kiều	Cần Thơ	S. Hậu	2,09→1,43	↓
2	Mỹ Thuận	TP. Vĩnh Long	Vĩnh Long	S. Tiền	2,16→1,48	↓
3	Tân Lập	Thủ Thừa	Long An	K. Bo Bo	0,99→0,96	↓
4	Bến Lức	Bến Lức	Long An	S. Vàm Cỏ Đông	1,46→1,43	↓
5	Tân An	TP. Tân An	Long An	S. Vàm Cỏ Tây	1,45→1,41	↓
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Tiền Giang	K. 12	1,49→1,45	↓
7	Long Định	Châu Thành	Tiền Giang	K. Nguyễn Tấn Thành	1,22→1,13	↓
8	Mỹ Tho	TP. Mỹ Tho	Tiền Giang	S. Tiền	1,74→1,57	↓
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Tiền Giang	S. Cửa Tiểu	1,43→1,27	↓
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Bến Tre	S. Hàm Luông	1,86→1,64	↓
11	Mỹ Hóa	TP. Bến Tre	Bến Tre	S. Hàm Luông	1,63→1,46	↓
12	G1	Châu Thành	Bến Tre	S. Giao Hòa	1,75→1,61	↓
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	2,22→2,07	↓
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	2,13→2,01	↓
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	1,62→1,53	↓
16	G2	Vũng Liêm	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,82→1,70	↓
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	2,15→2,02	↓
18	G4	Càng Long	Trà Vinh	S. An Trường	1,92→1,81	↓
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	Kiên Giang	K. Cái Sắn	0,76→0,92	↑
20	Ô Môn	Q. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	1,89→1,85	↓
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,49→1,42	↓
22	Vị Thanh	Vị Thanh	Hậu Giang	K. Xà No	0,75→0,90	↑
23	Phụng Hiệp	TX. Ngã Bảy	Hậu Giang	S. Cái Côn	1,47→1,44	↓
24	Đại Ngãi	Long Phú	Sóc Trăng	S. Hậu	1,74→1,64	↓
25	G5	Ngã Năm	Sóc Trăng	K. QL - Phụng Hiệp	1,11→1,08	↓
26	Phước Long	Phước Long	Bạc Liêu	K. QL - Phụng Hiệp	1,03→1,17	↑
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	Kiên Giang	K. Nước Mặn	0,71→0,93	↑

Ghi chú: Trong cột H_{max} dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

3.2.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Mực nước dự báo trên vùng Ven Biển ĐBSCL trong 10 ngày tới ở mức thấp và biến đổi mạnh theo triều, mực nước biến đổi phổ biến dưới mức BĐI, một số trạm biến đổi từ BĐI - BĐII. Riêng trạm Cà Mau mực nước duy trì trên BĐIII. Mực nước các trạm khu vực ven Biển Đông có xu thế tăng và đạt mức nước lớn nhất vào ngày 19-20/9/2024 với cường suất trung bình 8,5 cm/ngày, sau đó giảm

trở lại với cường suất trung bình 10,0 cm/ngày; mực nước các trạm khu vực ven Biển Tây có xu thế tăng với cường suất trung bình 3,5 cm/ngày [xem Bảng 13].

Bảng 13. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Ven Biển – ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Huyện	Tỉnh	Sông/kênh	H _{max} dự báo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Bến Tre	S. Cửa Đại	1,61→1,33	↓
2	An Thuận	Ba Tri	Bến Tre	S. Hàm Luông	1,57→1,43	↓
3	Bến Trại	Thanh Phú	Bến Tre	S. Cổ Chiên	1,70→1,59	↓
4	Trà Vinh	Châu Thành	Trà Vinh	S. Cổ Chiên	1,81→1,65	↓
5	VB1	Duyên Hải	Trà Vinh	K. Quan Chánh Bó	1,84→1,71	↓
6	Trần Đề	Trần Đề	Sóc Trăng	S. Mỹ Thanh	2,10→1,96	↓
7	VB2	Vĩnh Châu	Sóc Trăng	S. Mỹ Thanh	1,97→1,89	↓
8	VB4	Giá Rai	Bạc Liêu	K. CM - Bạc Liêu	1,82→1,73	↓
9	VB3	TP. Bạc Liêu	Bạc Liêu	S. Bạc Liêu	1,80→1,72	↓
10	Cà Mau	Tp. Cà Mau	Cà Mau	S. Gành Hào	1,03→0,96	↓
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,24→1,12	↓
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,65→0,93	↑
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	0,93→0,94	↑
14	Rạch Giá	TP. Rạch Giá	Kiên Giang	S. Kiên	0,39→0,51	↑
15	Xẻo Rô	Châu Thành	Kiên Giang	S. Cái Lớn	0,41→0,76	↑
16	Vàm Răng	Hòn Đất	Kiên Giang	K. RG - Hà Tiên	0,73→0,96	↑
17	Vàm Rầy	Hòn Đất	Kiên Giang	K. HT - Rạch Giá	0,62→0,95	↑
18	VB7	An Minh	Kiên Giang	K. Cán Gáo	0,81→0,84	↑
19	VB6	Vĩnh Thuận	Kiên Giang	S. Cái Lớn	0,59→0,87	↑

Ghi chú: Trong cột H_{max} dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

IV KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Hình thái thời tiết chủ đạo ảnh hưởng đến lưu vực sông Mê Công trong tuần qua là gió mùa Tây Nam và hoàn lưu cơn bão số 3 gây mưa ở mức khá cao trên lưu vực. Mực nước và lưu lượng tại trạm Kratie trong tuần qua ở mức khá cao và có xu thế tăng mạnh, hiện ở mức cao hơn nhiều TBNN và các năm gần đây, chỉ thấp hơn cùng kỳ năm 2000 và 2011.

Mực nước ở ĐBSCL đang ở mức thấp và có xu thế tăng mạnh do lũ đầu nguồn đổ về tăng kết hợp triều cường. Tuần qua, mực nước tại Tân Châu và Châu Đốc có xu thế tăng mạnh. Mực nước nội đồng vùng Thượng, vùng Giữa, và vùng Ven Biển ĐBSCL đều có xu thế tăng.

Trong 05 ngày tới, mực nước 7 giờ các trạm trên dòng chính sông Mê Công như trạm Kratie và trạm Prek Kdam đều có xu thế tăng mạnh; mực nước lớn nhất ngày tại Tân Châu và Châu Đốc có xu thế tăng; mưa trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công ở mức cao và có xu thế tăng do ảnh hưởng của bão số 4; mưa trên vùng ĐBSCL ở mức trung bình và có xu thế tăng; thủy triều ở mức thấp và có xu thế tăng trong tuần tới.

Trong 10 ngày tới, mực nước nội đồng các trạm vùng Thượng có xu thế tăng, mực nước phổ biến dưới mức BĐI, một số trạm biến đổi từ BĐI - BĐII. Riêng trạm Long Xuyên (An Giang) mực nước hiện ở trên mức BĐII và dự báo duy trì trên mức BĐII từ ngày 19-23/9/2024, sau đó giảm xuống dưới mức BĐII. Mực nước các trạm vùng Giữa tăng 1 đến 3 ngày tới sau đó giảm trở lại, mực nước phổ biến ở mức từ BĐI - BĐII, một số trạm ven sông chính mực nước vượt mức BĐIII vào thời kỳ triều cường từ ngày 19-23/9/2024 gồm các trạm Cần Thơ, trạm Mỹ Thuận (Vĩnh Long), trạm Mỹ Tho (Tiền Giang) và một số trạm vùng trung tâm BĐCM mực nước vượt mức BĐIII gồm trạm Vị Thanh (Hậu Giang), trạm Phụng Hiệp (Hậu Giang), trạm Phước Long (Bạc Liêu). Mực nước các trạm vùng Ven Biển khu vực ven biển Đông có xu thế tăng 1 đến 2 ngày tới sau đó giảm trở lại, khu vực ven biển Tây có xu thế tăng, mực nước biến đổi phổ biến dưới mức BĐI, một số trạm biến đổi từ BĐI - BĐII. Riêng trạm Cà Mau mực nước duy trì trên BĐIII.

4.2 Kiến nghị

Kiến nghị các địa phương cần đề phòng ngập úng do mưa lũ kết hợp triều cường vào các ngày từ 19-22/9/2024. Đặc biệt trên địa bàn vùng Giữa và Ven Biển ĐBSCL gồm TP. Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, các huyện ven sông và giữa 2 sông của tỉnh Đồng Tháp, các khu vực trung tâm vùng BĐCM như TP. Vị Thanh, TP. Ngã Bảy của tỉnh Hậu Giang, các huyện Phước Long, huyện Hồng Dân của tỉnh Bạc Liêu, TX. Ngã Năm, huyện Mỹ Tú của tỉnh Sóc Trăng, các huyện Trần Văn Thời, huyện Thới Bình, TP. Cà Mau tỉnh Cà Mau và một số khu vực trên địa bàn vùng Thượng ĐBSCL như TP. Long Xuyên tỉnh An Giang.

Đến nay trên biển Đông đã xuất hiện 4 cơn bão và 2 ATNĐ (trong đó có 1 ATNĐ mạnh lên thành bão số 2). Trong đó có 1 ATNĐ vào nửa cuối tháng 7/2024, cơn bão số 3 xảy ra trong tuần qua gây mưa lớn trên lưu vực sông Mê Công và cơn bão số 4 đang đi vào khu vực miền trung của nước ta dự báo sẽ gây mưa lớn trên lưu vực sông Mê Công, đây là yếu tố chính làm mực nước trên dòng chính sông Mê Công và đầu nguồn sông Cửu Long tăng mạnh.

Diễn biến thời tiết ngày càng biến đổi bất thường, hiện tượng ENSO dự báo từ nay đến cuối năm trạng thái La Nina sẽ chiếm ưu thế đặc biệt trong tháng 10

và tháng 11, nguy cơ cao tiếp tục xảy ra các trận bão/ATNĐ mạnh gây mưa lớn trên lưu vực sông Mê Công và vùng ĐBSCL trong 2 tháng cuối mùa lũ. Vì vậy, kiến nghị các địa phương phải theo dõi chặt chẽ các thông tin dự báo từ các tổ chức như MRC, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, v.v. để kịp thời xây dựng kế hoạch ứng phó phù hợp.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Lê Minh Hoan;
- Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp;
- Cục Thủy lợi;
- Cục Quản lý đê điều & PCTT;
- Sở NN&PTNT 13 tỉnh vùng ĐBSCL;
- Ban Lãnh đạo Viện QHTLMN;
- Website: www.siwtp.org.vn;
- Lưu P. KHCN&HTQT.

KT. VIỆN TRƯỞNG



Thông tin chi tiết liên hệ:

- | | | |
|-------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|
| - Chủ nhiệm dự báo: Nguyễn Huy Khôi | - DD: 0913.106.641; | Email: nhkhoihl@yahoo.com |
| - Dự báo viên: Trần Mạnh Thứ | - DD: 0967.161.808; | Email: manhthuwru@gmail.com |
| Trần Đức Đông | - DD: 0989.872.205; | Email: tranducdongvn@yahoo.com.vn |